

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư  
và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,  
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước  
của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 20/4/2020;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 297/BQL-KTTĐ ngày 25/5/2021 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 401/TTr-STNMT ngày 26/5/2021.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Phước Thuận theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này. Cụ thể hóa các giải pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng vào các hợp đồng thi công với nhà thầu, hướng dẫn giám sát các nhà thầu thực hiện.

3. Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan đến quản lý khoáng sản đối với việc sử dụng chất nạo vét để làm vật liệu san lấp và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định.

4. Không thi công nạo vét vào các thời điểm hộ dân lấy nước vào hồ nuôi tôm theo đúng nội dung cam kết trong Báo cáo ĐTM.

5. Phối hợp với các đơn vị có liên quan và địa phương thực hiện các biện pháp phục hồi đa dạng sinh học khu vực dự án theo nội dung cam kết trong Báo cáo ĐTM.

6. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

7. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý dự án NN&PTNT;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thuận;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN**  
**XÂY DỰNG KÈ VÀ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ**  
**KHU DÂN CƯ THUỘC KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI DIÊM**  
**VÂN, XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC CỦA BAN QUẢN LÝ**  
**DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày     /     /2021 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.3. Địa chỉ: 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Địa điểm thực hiện dự án: xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

1.5. Phạm vi, quy mô dự án, công suất dự án:

- Xây dựng tuyến kè dài 2.404m ở bờ hữu nhánh sông Trường Úc và bờ tả nhánh nối sông Trường Úc với sông Cát – hệ thống sông Hà Thanh.

- Nạo vét lòng sông đoạn trước kè tổng diện tích 18,63ha (trong đó: nạo vét đáy sông 10,79ha và nạo vét hành lang thoát lũ 7,84ha), tổng khối lượng nạo vét khoảng 180.828,4 m<sup>3</sup>.

- Phương án thi công nạo vét:

+ Nạo vét tuyến kênh đào: máy đào (có dung tích 0,8 m<sup>3</sup> đến 1,6 m<sup>3</sup>) → ô tô tự đổ 10 tấn → bãi tập kết → khu cây xanh phía trong kè.

+ Nạo vét thêm sông, lòng sông: tàu hút (công suất 585CV) → bơm bằng tuyến ống đường kính D200, dài khoảng 600m → bãi tập kết → khu cây xanh phía trong kè.

+ Thời gian thi công nạo vét: 03 tháng (từ tháng 6/2021- tháng 9/2021).

- San lấp mặt bằng phía trong kè tổng diện tích 11,01ha.

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng diện tích 48,6ha (bao gồm diện tích khu tái định cư, khu dân cư, vị trí xây dựng kè, hành lang thoát lũ và các hạ tầng khác thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước).

- Thời gian thi công toàn bộ dự án: 19 tháng (từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2022).

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ giai đoạn thi công, xây dựng dự án**

2.1. Các tác động môi trường chính:

- Giai đoạn thi công nạo vét:

+ Nước thải sinh hoạt, nước thải có lẫn bùn, cát phát sinh từ bãi tập kết chất nạo vét; phát tán chất rắn lơ lửng trong quá trình nạo vét gây đục nguồn nước; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

+ Tác động đến hệ sinh thái dưới nước, thay đổi điều kiện sống và làm mất nơi sinh sống của một số loài thủy sinh; làm suy giảm đa dạng sinh học, nguồn lợi đánh bắt thủy sản, thay đổi dòng chảy tự nhiên.

- Giai đoạn thi công, xây dựng kè và giải phóng mặt bằng: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,8 m<sup>3</sup>/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ cao.

- Nước lẫn bùn, cát từ bãi tập kết chất nạo vét phát sinh khoảng 864 m<sup>3</sup>/ngày, có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị; tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 34,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

- Bùn, cát từ quá trình nạo vét phát sinh khoảng 180.828,4 m<sup>3</sup>.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Chất thải nguy hại gồm các loại vật dụng nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải,... với khối lượng phát sinh khoảng 18kg/năm.

- Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của dự án**

3.1. Về thu gom và xử lý nước mưa, nước thải:

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông các tuyến thoát nước; thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu xuống nhánh sông Trường Úc, nhánh sông Cát – hệ thống sông Hà Thanh.

- Nước lẫn bùn, cát từ bãi tập kết chất nạo vét: nước được dẫn về 03 hố lắng có tổng diện tích 4.500 m<sup>2</sup> (mỗi hồ có diện tích 1.500 m<sup>2</sup>), có bờ bao xung quanh bằng đất cấp 3, đầm chặt K90, kích thước bờ bao (B=2m, H=1,4m).

Trong đó có bố trí các ống nhựa D200 vuông góc với hố lắng và có cửa tràn để dẫn nước từ hố lắng ra nhánh sông Trường Úc, nhánh sông Cát – hệ thống sông Hà Thanh.

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bãi tập kết chất nạo vét: phun chế phẩm vi sinh để giảm thiểu mùi hôi.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, có bạt phủ kín không để rơi vãi.

- Hàng ngày tưới ẩm trên tuyến đường vận chuyển và những khu vực dễ phát sinh bụi.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất rắn thông thường và CTNH:

- CTR sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực nghỉ ngơi của công nhân.

- CTNH: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che).

- Bùn, cát từ quá trình nạo vét: bố trí 03 bãi tập kết có tổng diện tích 15.000 m<sup>2</sup> (mỗi bãi có diện tích 5.000 m<sup>2</sup>), có bờ bao xung quanh bằng đất.

Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng.

### 3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Không thi công, vận chuyển nguyên vật liệu vào khoảng thời gian từ 18h00-6h00 sáng ngày hôm sau.

- Bố trí các biển báo hiệu xung quanh khu vực thi công: biển báo hạn chế tốc độ, biển báo công trường....trên khoảng cách tối thiểu 150m, chóp cao su, dây, cờ, còi.

- Thông báo, niêm yết công khai tại khu vực thực hiện dự án gồm: thời gian thi công xây dựng, nạo vét và vận chuyển nguyên liệu.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan và địa phương thực hiện các biện pháp phục hồi đa dạng sinh học khu vực dự án, thả con giống tại các khu vực nạo vét và vùng lân cận gồm các loài như: vẹm, tôm đất, hào sữa, cua, cá chêm, cá mú với tổng kinh phí dự kiến khoảng 60.000.000 đồng; thời gian thực hiện dự kiến sau khi kết thúc hoạt động nạo vét và xây dựng kè (Quý I/2022).

### 3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Tiến hành nạo vét trong phạm vi, ranh giới đã được cho phép.

- Không thi công nạo vét khi mưa bão và dừng thi công nạo vét vào các thời điểm khi hộ dân lấy nước vào hồ nuôi tôm theo đúng nội dung cam kết

trong báo cáo ĐTM, cụ thể: ngày 23-24/4 và ngày 7-9/5 âm lịch, ngày 23/5 và ngày 7-8/6 âm lịch, ngày 7/7 và 13/7 âm lịch.

- Sử dụng tàu hút có gắn thiết bị kiểm soát cao độ tự động được lập trình sẵn trên máy; đồng thời giám sát cao độ bằng 04 cột thủy chí dài 6m, có chia vạch cao độ, khoảng cách giữa các cột là 500m, cao hơn mặt nước khoảng 1m tại các vị trí thi công nạo vét.

- Cam kết hỗ trợ, đền bù thiệt hại về kinh tế trong trường hợp quá trình thi công nạo vét làm ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy sản các hộ dân tại khu vực thực hiện dự án theo đúng quy định.

#### **4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính giai đoạn thi công, xây dựng của dự án**

- Thiết bị thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại.
- 03 bãi tập kết chất nạo vét có tổng diện tích 15.000 m<sup>2</sup>.
- 03 hồ lắng có tổng diện tích 4.500 m<sup>2</sup>.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án**

Trong giai đoạn thi công xây dựng, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

##### a) Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng phía Đông Bắc, (tọa độ: 1.528.719; 603.435).

+ Khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng phía Đông Nam (tọa độ: 1.528.260; 603.520).

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

##### b) Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát:

+ Tại hạ lưu nhánh sông Trường Úc ra đầm Thị Nại cách cầu Trắng (mới) 850m về phía Tây (Tọa độ: 1.529.142; 603.992).

+ Tại đoạn nhánh sông Trường Úc nối với nhánh sông Cát cách cầu Trắng (mới) 1 km về phía Tây Bắc (Tọa độ: 1.528.202; 604.027).

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

c) Giám sát sạt lở

- Tổ chức giám sát nhằm thực hiện các hiện tượng sạt lở trong quá trình đào đắp, xác định quy mô, mức độ để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Vị trí giám sát: các khu vực đào đắp, san lấp mặt bằng.